TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** Bản án số:20/2019/HNGĐ - ST Ngày 12/8/2019. (*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công Hiến, ông Đinh Duy Quyết.

Thư ký phiên toà: Ông Đoàn Thanh Minh –Thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đường 1A- thôn G K, xã G, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N.

Chị H có mặt, anh V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 02 năm 2019 và bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Giữa chị H và anh Trần Văn V có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 30/10/2008 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi cưới chị Hiền và anh V về chung sống với nhau tại thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Vi hay rượu chè rồi chửi bới, đánh đập chị H, mặc dù chị H đã nhẫn nhịn, cùng với gia đình khuyên bảo nhưng không được. Do mâu thuẫn nặng nên từ tháng 01/2018 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở Đường 1A- thôn G K, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Hiện nay chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng không thể khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn V.

Về con chung, theo chị H khai vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn nhất tên là Trần Thị Diệu T, sinh ngày 12/9/2009, cháu thứ 2 là Trần Trí Q sinh ngày 08/11/2011, cháu thứ 3 là Trần Đại Tr sinh ngày 17/7/2013. Khi ly hôn chị Hiền đề nghị Tòa án giao hai cháu Trần Trí Q và Trần Đại Tr cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Trần Thị Diệu T thì giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh V phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết quan hệ tài sản chung, công nợ chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Vi vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Đến ngày 12/6/2019 anh V lên trụ sở Tòa án và có bản tự khai thừa nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2008 tại UBND xã G. Sau khi cưới vợ chồng chung sống ở thôn Ph xã G. Cuộc sống vợ chồng do có khó khăn về kinh tế dẫn đến vợ chồng xô sát, cãi nhau. Bản thân anh V cũng thi thoảng có tát vợ nên chị Hiền mới xin ly hôn. Anh V không đồng ý ly hôn. Về con chung, anh V cũng trình bày vợ chồng có 03 con chung, các thông tin liên quan đến con chung đúng như chị H đã trình bày nêu trên. Anh V không đồng ý ly hôn nên không đồng ý chia con.

Về tài sản chung, công nợ chung anh V không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Trần Văn V có địa chỉ: Thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn V là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người về chung sống với nhau tại thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau trong cuộc sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn theo sự trình bày của chị Hiền cũng như sự xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị H và anh V sống chung là do bất đồng quan điểm sống và do anh V không tu chí làm ăn, lại hay ghen tuông vô cớ rồi về đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị H. Từ tháng 01/2018 chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở Đường 1A-

thôn G K, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình để sinh sống, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân. Bản thân anh V chỉ có mặt tại Tòa án một lần để viết bản tự khai, không lên Tòa để tham gia hòa giải trong khi anh Vi vẫn đang sinh sống, làm việc tại thôn Ph, xã G, huyện G, tỉnh N, dù được Tòa án đến tận nơi tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh V vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh V không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng chị Hoàng Thị H và anh Trần Văn V đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị H xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Trần Văn V là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của chị Hiền có xác nhận của chính quyền địa phương nên Toà án xác định chị H và anh Trần Văn V có 03 con chung, cháu lớn nhất tên là Trần Thị Diệu T, sinh ngày 12/9/2009, cháu thứ 2 là Trần Trí Q sinh ngày 08/11/2011, cháu thứ 3 là Trần Đại Tr sinh ngày 17/7/2013. Chị Hoàng Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Trí Q và Trần Đại Tr. Xét thực tế chị H là người có nhân thân tốt, không vi phạm nghĩa vụ làm mẹ, lại đang làm công nhân, có thu nhập ổn định với mức lương trung bình trong 04 tháng gần đây là 4.604.000 đồng nên có đủ điều kiện, khả năng nuôi con chung. Nhưng nếu giao cả 03 con chung cho chị Hiền sẽ là gánh nặng về kinh tế, trong khi cháu Trần Thị Diệu T lại có nguyện vọng ở với bố. Do đó cần chấp nhận đề nghị của chị Hiền, giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Trần Trí Q và Trần Đại Tr, giao cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Diệu T là thoả đáng. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị H, anh V không yêu cầu phía bên kia phải đóng góp tiền nuôi con nên không buộc anh V, chị H phải đóng góp tiền nuôi con chung là thoả đáng.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các bên đương sự đều không có yêu cầu giải quyết nên Toà không xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn vắng mặt anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai cháu là Trần Trí Q sinh ngày 08/11/2011 và Trần Đại Tr sinh ngày 17/7/2013 kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu Q và cháu Tr đủ 18 tuổi. Giao cho anh Trần Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Diệu T, sinh ngày 12/9/2009 kể từ tháng 8/2019 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh Vi và chị H không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí:

Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hoàng Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2013/0001207 ngày 25/02/2019.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận
- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN HỮU QUỐC